TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H, TP.H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:161/2019/QĐCNTT-HNGĐ	*H, ngày 22 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 692/2019/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Nam C** – sinh năm 1975

HKTT và trú tại: Số 20 ngõ 5 đường C, phường P, quận X, TP.H

Bị đơn: **Chị Đỗ Thị Thanh M** – sinh năm 1980

HKTT: Số 20 ngõ 5 đường T, phường P, quận X, TP.H

Trú tại: Số 4 ngách 45 ngõ 325 đường K, phường T, quận H, TP.H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Khoản 7 Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27; điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày14 tháng 10 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Nam C – sinh năm 1975

Chị Đỗ Thị Thanh M – sinh năm 1980

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Anh Nguyễn Nam C và chị Đỗ Thị Thanh M cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nhất trí cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung:

Nguyễn Phương N, sinh ngày 11/02/2004

Nguyễn Trường G, sinh ngày 28/02/2007

Khi ly hôn giao 02 con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

2.3. Về cấp dưỡng:

Anh C thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung là 20.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 11/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung, nhà ở chung:

Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về công nợ chung:

Hai bên xác nhận không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Về án phí: Anh C tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000xxx ngày 03 tháng 10 năm 2019 của chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường P, quận X, TP.H;
(Giấy chứng nhận kết hôn số xxx ngày 06 tháng 03 năm 2003)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM XUÂN THỦY